

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 571 /KVIV-TH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

V/v gửi Báo cáo kiểm tra thực hiện
kiến nghị kiểm toán của KTNN

UBND TP. HCM



1386/C-070125
13:09

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực Quyết định số 87/QĐ-KV4 ngày 11/10/2024 và Quyết định số 107^a/QĐ-KV IV ngày 06/11/2024 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV về việc kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các Báo cáo kiểm toán¹ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn Kiểm tra của Kiểm toán nhà nước khu vực IV đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán từ ngày 17/10/2024 đến hết ngày 20/11/2024, đến nay Báo cáo kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán đã hoàn thành.

Kiểm toán nhà nước khu vực IV trân trọng gửi tới Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Báo cáo kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán tại các Báo cáo kiểm toán trên kèm theo Công văn này./. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Tổng Kiểm toán nhà nước (để b/c);
- Phó Tổng KTNN Trần Minh Khương (để b/c);
- KTNN khu vực IV;
- Vụ Tổng hợp;
- Đoàn kiểm tra;
- Lưu: VT; TH.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Phúc

¹ Các Báo cáo kiểm toán: (1) Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2; (2) Ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh; (3) Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh; các kết luận, kiến nghị kiểm toán chưa thực hiện hoàn thành tại các báo cáo kiểm toán niên độ 2021 trở về trước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các Báo cáo kiểm toán: (i) Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2; (ii) Ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh; (iii) Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 02/2022/QĐ-KTNN ngày 03/11/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy định về theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;

Đoàn Kiểm tra của KTNN Khu vực IV đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các Báo cáo kiểm toán: (i) Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2; (ii) Ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh; (iii) Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 17/10/2024 đến ngày 20/11/2024.

1. Phạm vi kiểm tra:

- Việc thực hiện kiến nghị kiểm toán tại các Báo cáo kiểm toán: (i) Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2; (ii) Ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh; (iii) Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh; và các kết luận, kiến nghị kiểm toán chưa thực hiện hoàn thành tại các Báo cáo kiểm toán năm 2021 trở về trước của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời kỳ được kiểm tra: (i) Đối với kết luận, kiến nghị của Báo cáo kiểm toán năm 2022: từ thời điểm báo cáo kiểm toán được phát hành đến thời điểm kiểm tra; (ii) Đối với kết luận, kiến nghị của Báo cáo kiểm toán các năm trước đã

được kiểm tra: từ lần kiểm tra gần nhất đối với các kết luận, kiến nghị chưa thực hiện hoàn thành.

- Danh sách các đơn vị được kiểm tra (*Danh sách kèm theo*)

2. Nội dung kiểm tra:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong việc thực hiện chỉ đạo, điều hành thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN.
- Việc chấp hành thời hạn báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.
- Xác định những kết luận, kiến nghị kiểm toán đã thực hiện, chưa thực hiện hoàn thành; nguyên nhân các kết luận, kiến nghị chưa thực hiện hoàn thành và kiến nghị xử lý.
- Rà soát, xác định những khiếu nại, kiến nghị của đơn vị được kiểm toán về kết luận, kiến nghị kiểm toán (nếu có).

3. Giới hạn kiểm tra

Đoàn kiểm tra ghi nhận trên cơ sở Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của đơn vị được kiểm tra và hồ sơ, chứng từ do đơn vị cung cấp (không xác minh, đối chiếu). Đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ, hồ sơ tài liệu làm cơ sở xác nhận việc thực hiện kiến nghị; Việc xem xét mức độ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện các kiến nghị về chấn chỉnh, kiểm điểm trách nhiệm do Hội đồng/tập thể đơn vị xem xét, Đoàn kiểm tra chỉ ghi nhận, thu thập tài liệu hồ sơ liên quan trong việc thực hiện kiến nghị; Các đơn vị không thực hiện kiểm tra trực tiếp ghi nhận theo thông tin, số liệu theo báo cáo của đơn vị; Đoàn kiểm tra không thực hiện kiểm toán lại các nội dung KTVNN đã thực hiện trước đó và không thực hiện kiểm toán các công việc đơn vị được kiểm toán thực hiện theo kiến nghị của KTNN sau thời điểm kết thúc kiểm toán, đơn vị tự chịu trách nhiệm trước pháp luật việc thực hiện của đơn vị.

Đối với kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, Đoàn chỉ kiểm tra các kiến nghị chưa thực hiện của năm kiểm toán 2021, năm 2022 và năm 2023.

Đối với kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán tại các Báo cáo kiểm toán: (i) Hoạt động Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh; (ii) Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư một số dự án tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; (iii) Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chỉ cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019 - 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh; (iv) Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các chính sách hỗ trợ tại TP.HCM, Đoàn kiểm tra không kiểm tra và ghi nhận kết quả thực hiện theo Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán phát hành tại Công văn số 536/KV IV-TH ngày 14 tháng 12 năm 2023 của KTNN Khu vực IV.

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN; việc chấp hành chế độ báo cáo kết quả thực hiện

- Nhìn chung, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND Thành phố) đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị được kiểm toán thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN qua Công văn số 4279/UBND-KT ngày 30 tháng 7 năm 2024 về triển khai thực hiện Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và chuyên đề việc quản lý sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022; Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

- Về việc chấp hành chế độ báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán: ngày 07 tháng 12 năm 2024, UBND Thành phố có Công văn số 7952/UBND-KT báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

II. Tình hình thực hiện kiến nghị của KTNN

1. Về điều chỉnh Báo cáo tài chính/báo cáo quyết toán

2. Tổng hợp tình hình thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính, giảm lỗ, xử lý khác

2.1. Về số liệu

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cộng	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN	Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
A	B	I=2+3+4+5	2	3	4	5
	Tổng cộng					
(1)	Số kiến nghị (1)	39.297.737	30.602.362	-	7.278.357	1.417.018
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	941.882	941.878	-	4	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	26.290.236	20.528.417	-	4.376.313	1.385.506
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	2.755.365	2.516.888	-	237.959	518
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	29.045.601	23.045.305	-	4.614.272	1.386.024
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9.310.254	6.615.179	-	2.664.081	30.994
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	75,73%	77,70%	0,00%	63,40%	97,81%
I	Năm kiểm toán 2023					
(1)	Số kiến nghị (1)	2.691.829	2.464.425	-	227.404	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	2.429.651	2.260.451	-	169.200	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.429.651	2.260.451	-	169.200	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	262.177	203.974	-	58.203	-

(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	90,26%	91,72%	0,00%	74,41%	0,00%
1	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 – 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	2.690.089	2.462.685	-	227.404	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	2.427.911	2.258.711	-	169.200	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.427.911	2.258.711	-	169.200	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	262.177	203.974	-	58.203	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	90,25%	91,72%	0,00%	74,41%	0,00%
2.	Kiểm toán Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2					
(1)	Số kiến nghị (1)	626	626	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	626	626	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	626	626	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	100,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 TPHCM					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.114	1.114	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	1.114	1.114	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.114	1.114	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	100,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
II	Năm kiểm toán 2022					
(1)	Số kiến nghị (1)	7.277.236	4.381.948	-	2.338.670	556.618
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	6.798.234	4.224.086	-	2.017.530	556.618
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	8.437	8.437	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	6.806.671	4.232.523	-	2.017.530	556.618
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	470.564	149.424	-	321.140	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	93,53%	96,59%	0,00%	86,27%	100,00%
1	Kiểm toán chi phí đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm					
(1)	Số kiến nghị (1)	300.224	20.335	-	279.889	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	12.272	550	-	11.722	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	12.272	550	-	11.722	-

(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	287.951	19.784	-	268.167	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	4,09%	2,70%	0,00%	4,19%	0,00%
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	5.032.163	2.737.957	-	1.737.588	556.618
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	4.917.577	2.676.344	-	1.684.615	556.618
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	8.437	8.437	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	4.926.014	2.684.781	-	1.684.615	556.618
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	106.149	53.176	-	52.973	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	97,89%	98,06%	0,00%	96,95%	100,00%
3	Báo cáo kiểm toán hoạt động Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	168.683	168.683			
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-			
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-			
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	136.704	136.704			
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-			
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	136.704	136.704			
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	31.979	31.979			
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	81,04%	81,04%			
4	Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư một số dự án tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	47.617	47.617			
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-			
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-			
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	47.617	47.617			
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-			
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	47.617	47.617			
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-			
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%			
5	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019 - 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	5.426	5.426			
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-			
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-			
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	5.426	5.426			
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-			
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	5.426	5.426			
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-			

(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3))*100\%$	100,00%	100,00%			
6	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các chính sách hỗ trợ tại TP.HCM					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.723.123	1.401.930		321.193	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-		-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-		-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	1.678.638	1.357.445		321.193	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-		-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.678.638	1.357.445		321.193	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	44.485	44.485		-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3))*100\%$	97,42%	96,83%	0,00%	100,00%	0,00%
III	Năm kiểm toán 2021					
(1)	Số kiến nghị (1)	5.124.142	3.612.463	-	1.357.009	154.670
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	4.774.260	3.468.710	-	1.180.428	125.122
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	26.641	6.046	-	20.595	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	4.800.902	3.474.757	-	1.201.023	125.122
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	323.240	137.706	-	155.986	29.548
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3))*100\%$	93,69%	96,19%	0,00%	88,51%	80,90%
1	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 2					
(1)	Số kiến nghị (1)	53.317	5.333	-	47.984	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	5.333	5.333	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	5.333	5.333	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	47.984	-	-	47.984	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3))*100\%$	10,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	5.070.824	3.607.129	-	1.309.025	154.670
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	4.768.927	3.463.377	-	1.180.428	125.122
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	26.641	6.046	-	20.595	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	4.795.568	3.469.423	-	1.201.023	125.122
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	275.256	137.706	-	108.002	29.548

(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	94,57%	96,18%	0,00%	91,75%	80,90%
IV	Năm kiểm toán 2020					
(1)	Số kiến nghị (1)	3.756.124	2.326.671	-	1.429.453	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	350	350	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.884.896	2.265.273	-	619.623	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	46.317	857	-	45.460	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.931.212	2.266.129	-	665.083	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	824.561	60.191	-	764.370	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	78,05%	97,41%	0,00%	46,53%	0,00%
1	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn - TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	45.745	41.812	-	3.933	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	44.961	41.812	-	3.149	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	44.961	41.812	-	3.149	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	783	-	-	783	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	98,29%	100,00%	0,00%	80,07%	0,00%
2	Kiểm toán hoạt động Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2016-2020 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	28.355	24.312	-	4.043	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	15.799	15.799	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	15.799	15.799	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12.557	8.514	-	4.043	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	55,72%	64,98%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Các dự án BT thuộc Khu đô thị mới Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	661.730	-	-	661.730	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	127.882	-	-	127.882	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	45.460	-	-	45.460	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	173.342	-	-	173.342	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	488.387	-	-	488.387	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	26,20%	0,00%	0,00%	26,20%	0,00%
4	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2					
(1)	Số kiến nghị (1)	15.734	14.325	-	1.409	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-

(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	14.325	14.325	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	14.325	14.325	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.409	-	-	1.409	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	91,04%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
5	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	2.984.682	2.246.221	-	738.461	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	350	350	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.676.896	2.193.337	-	483.559	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	857	857	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.677.753	2.194.194	-	483.559	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	306.580	51.678	-	254.902	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	89,73%	97,70%	0,00%	65,48%	0,00%
6	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia)					
(1)	Số kiến nghị (1)	19.878	-	-	19.878	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	5.033	-	-	5.033	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	5.033	-	-	5.033	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14.846	-	-	14.846	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	25,32%	0,00%	0,00%	25,32%	0,00%
V	Năm kiểm toán 2019					
(1)	Số kiến nghị (1)	3.270.018	2.904.276	-	238.869	126.873
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	2.021	2.021	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.201.118	1.968.671	-	105.574	126.873
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	43.103	40.400	-	2.703	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.244.221	2.009.071	-	108.277	126.873
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.023.777	893.184	-	130.593	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	68,67%	69,22%	0,00%	45,33%	100,00%
1	Chuyên đề Hoạt động đầu tư xây dựng hệ thống giao thông thuộc Chương trình Giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	188.046	95.382	-	92.664	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	61.142	37.256	-	23.886	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	2.703	-	-	2.703	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	63.845	37.256	-	26.589	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	124.201	58.126	-	66.075	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	33,95%	39,06%	0,00%	28,69%	0,00%

2	Chuyên đề Việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 tại TP Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	266.382	237.894	-	28.488	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	1.506	1.506	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	236.388	236.388	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	236.388	236.388	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28.488	-	-	28.488	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	89,24%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Chuyên đề Việc thực hiện các dự án theo hình thức hợp đồng BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2018					
(1)	Số kiến nghị (1)	587.927	587.927	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	69.161	69.161	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	37.700	37.700	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	106.861	106.861	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	481.066	481.066	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	18,18%	18,18%	0,00%	0,00%	0,00%
4	Dự án BOT cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc; Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng BOT					
(1)	Số kiến nghị (1)	263.055	263.055	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	86.037	86.037	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	86.037	86.037	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	177.018	177.018	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	32,71%	32,71%	0,00%	0,00%	0,00%
5	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2					
(1)	Số kiến nghị (1)	4.743	1.380	-	3.363	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	1.380	1.380	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.380	1.380	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3.363	-	-	3.363	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	29,10%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
6	Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2018 của huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	32.013	32.013	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	218	218	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-

(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	31.795	31.795	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	31.795	31.795	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
7	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.809.884	1.590.829	-	92.182	126.873
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	297	297	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	1.620.038	1.415.729	-	77.436	126.873
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	2.700	2.700	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.622.737	1.418.428	-	77.436	126.873
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	186.850	172.104	-	14.746	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	89,67%	89,18%	0,00%	84,00%	100,00%
8	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 của Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	62.021	58.655	-	3.366	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	57.152	53.786	-	3.366	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	57.152	53.786	-	3.366	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4.870	4.870	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	92,15%	91,70%	0,00%	100,00%	0,00%
9	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 của Tổng công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	55.946	37.139	-	18.807	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	38.024	37.139	-	885	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	38.024	37.139	-	885	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17.922	-	-	17.922	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	67,97%	100,00%	0,00%	4,71%	0,00%
VI	Năm kiểm toán 2018					
(1)	Số kiến nghị (1)	7.770.360	6.462.745	-	1.307.615	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	586.532	586.532	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	3.471.238	3.091.767	-	379.471	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	3.471.238	3.091.767	-	379.471	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3.712.589	2.784.445	-	928.144	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	48,32%	52,61%	0,00%	29,02%	0,00%

1	Chuyên đề Việc ưu đãi đầu tư và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.638.648	1.638.648	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	156.988	156.988	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	156.988	156.988	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.481.661	1.481.661	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	9,58%	9,58%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Chuyên đề: Chương trình huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	361.135	361.135	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	355.603	355.603	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	355.603	355.603	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5.532	5.532	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	98,47%	98,47%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Dự án cải thiện môi trường nước Thành phố Hồ Chí Minh, lưu vực kênh Tàu Hủ - Bến Nghé - Đới Tể, giai đoạn 2					
(1)	Số kiến nghị (1)	495.145	228.191	-	266.954	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	409.749	152.475	-	257.274	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	409.749	152.475	-	257.274	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	85.395	75.716	-	9.679	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	82,75%	66,82%	0,00%	96,37%	0,00%
4	Hoạt động đầu tư xây dựng, việc thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	868.977	868.977	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	534.416	534.416	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	35.524	35.524	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	35.524	35.524	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	299.038	299.038	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	10,62%	10,62%	0,00%	0,00%	0,00%
5	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	58.569	52.701	-	5.868	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-

(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	58.569	52.701	-	5.868	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	58.569	52.701	-	5.868	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
6	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn – TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	32.553	19.851	-	12.702	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	32.553	19.851	-	12.702	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	32.553	19.851	-	12.702	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
7	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	3.499.992	3.289.663	-	210.329	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	52.117	52.117	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.418.674	2.315.048	-	103.626	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.418.674	2.315.048	-	103.626	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.029.201	922.498	-	106.703	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	70,15%	71,51%	0,00%	49,27%	0,00%
8	Việc thực hiện giải pháp giảm sử dụng túi ni lông thông thường của Thành phố Hồ Chí Minh theo đề án của Chính phủ					
(1)	Số kiến nghị (1)	815.340	3.578	-	811.762	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	3.578	3.578	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	3.578	3.578	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	811.762	-	-	811.762	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	0,44%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
VII	Năm kiểm toán 2017					
(1)	Số kiến nghị (1)	5.182.988	4.702.945	-	212.092	267.951
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	186.255	186.255	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.895.348	2.591.142	-	36.255	267.951
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	60.269	60.269	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.955.618	2.651.412	-	36.255	267.951
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2.041.116	1.865.279	-	175.837	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	59,15%	58,70%	0,00%	17,09%	100,00%
1	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2016 của Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn - TNHH MTV					

(1)	Số kiến nghị (1)	292.996	269.834	-	23.162	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	292.792	269.834	-	22.958	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	292.792	269.834	-	22.958	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	203	-	-	203	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	99,93%	100,00%	0,00%	99,12%	0,00%
2	Kiểm toán hoạt động đầu tư xây dựng, mua nhà, đất phục vụ tái định cư và công tác quản lý, bố trí quỹ nhà, đất, tái định cư giai đoạn 2013-2016 của TP.Hồ Chí Minh; Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của 03 dự án ĐTXD: DA thành phần xây dựng 2.220 căn hộ chung cư, DA đầu tư xây dựng khu 2 (1.570 căn hộ) và DA đầu tư xây dựng khu 3 (1.080 căn hộ) thuộc dự án khu dân cư tái định cư 38,4 ha phường Bình Khánh, Quận 2 thuộc Khu đô thị mới Thủ Thiêm					
(1)	Số kiến nghị (1)	238.475	238.475	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	143.583	143.583	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	143.583	143.583	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	94.892	94.892	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	60,21%	60,21%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2016 của quận Tân Bình, TP.HCM					
(1)	Số kiến nghị (1)	477.961	176.948	-	33.062	267.951
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	436.591	164.878	-	3.762	267.951
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	436.591	164.878	-	3.762	267.951
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	41.370	12.070	-	29.300	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	91,34%	93,18%	0,00%	11,38%	100,00%
4	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	2.181.765	2.025.897	-	155.868	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	3.499	3.499	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	1.911.692	1.902.157	-	9.535	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	60.269	60.269	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.971.962	1.962.427	-	9.535	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	206.304	59.971	-	146.333	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	90,53%	97,03%	0,00%	6,12%	0,00%
5	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng đất dự án khu đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2016					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.991.650	1.991.650	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	182.755	182.755	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	110.549	110.549	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-

(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	110.549	110.549	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.698.346	1.698.346	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	6,11%	6,11%	0,00%	0,00%	0,00%
6	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 2					
(1)	Số kiến nghị (1)	140	140	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	140	140	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	140	140	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
VIII	Năm kiểm toán 2016					
(1)	Số kiến nghị (1)	2.603.383	2.348.338	-	6.415	248.630
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	97.160	97.156	-	4	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.485.680	2.231.065	-	5.985	248.630
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.485.680	2.231.065	-	5.985	248.630
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	20.543	20.117	-	426	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	99,18%	99,11%	0,00%	93,36%	100,00%
I	BCKT Báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2015 và Chuyên đề việc thực hiện Đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015" của Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	60.596	60.596	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	60.596	60.596	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	60.596	60.596	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2015 của Quận 10, TP. Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	116.994	20.536	-	6.415	90.043
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	4	-	-	4	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	115.488	19.460	-	5.985	90.043
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	115.488	19.460	-	5.985	90.043
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.502	1.076	-	426	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	98,72%	94,76%	0,00%	93,36%	100,00%
3	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015, Chuyên đề việc thực hiện đề án "Tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước năm 2015" của TP. Hồ Chí Minh					

(1)	Số kiến nghị (1)	2.413.572	2.254.985	-	-	158.587
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	97.156	97.156	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	2.298.148	2.139.561	-	-	158.587
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	2.298.148	2.139.561	-	-	158.587
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	18.268	18.268	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	99,21%	99,15%	0,00%	0,00%	100,00%
4	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi từ kinh phí NSNN, hoạt động sự nghiệp và các hoạt động khác năm 2015 của các trường khối đào tạo, dạy nghề thuộc TPHCM					
(1)	Số kiến nghị (1)	12.222	12.222	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	11.448	11.448	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	11.448	11.448	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	773	773	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	93,67%	93,67%	0,00%	0,00%	0,00%
IX	Năm kiểm toán 2015					
(1)	Số kiến nghị (1)	633.222	600.879	-	5.000	27.343
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	43.641	43.641	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	346.160	314.017	-	4.800	27.343
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	135.179	135.179	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	481.339	449.196	-	4.800	27.343
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	108.242	108.042	-	200	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	81,64%	80,61%	0,00%	96,00%	100,00%
1	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2014 và Chuyên đề việc thực hiện Đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015" của Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV					
(1)	Số kiến nghị (1)	986	824	-	162	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	986	824	-	162	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	986	824	-	162	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
2	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Tiểu Dự án nâng cấp đô thị TP.HCM: Dự án thành phần số 2 "Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cấp 3 các khu dân cư thu nhập thấp ngoài lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm"; Dự án thành phần số 3 "Cải thiện hệ thống thoát nước cấp 2, 3 lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm"; Dự án thành phần số 4 "Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa - Lò Gốm"					
(1)	Số kiến nghị (1)	46.200	41.576	-	4.624	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-

(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	45.171	40.748	-	4.423	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	45.171	40.748	-	4.423	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1.028	828	-	200	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	97,77%	98,01%	0,00%	95,65%	0,00%
3	Kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2014 và các chuyên đề của TP. Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	586.035	558.478	-	214	27.343
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	43.641	43.641	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	300.001	272.444	-	214	27.343
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	135.179	135.179	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	435.181	407.624	-	214	27.343
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	107.214	107.214	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	80,23%	79,18%	0,00%	100,00%	100,00%
X	Năm kiểm toán 2014					
(1)	Số kiến nghị (1)	10.220	8.774	-	-	1.446
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	300	300	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	300	300	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9.920	8.474	-	-	1.446
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	2,94%	3,42%	0,00%	0,00%	0,00%
1	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước năm 2013 của thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	10.220	8.774	-	-	1.446
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	300	300	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	300	300	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9.920	8.474	-	-	1.446
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	2,94%	3,42%	0,00%	0,00%	0,00%
XI	Năm kiểm toán 2013					
(1)	Số kiến nghị (1)	109.405	44.521	-	31.397	33.487
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	70.044	10.547	-	26.529	32.968
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	5.519	5.001	-	-	518
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	75.564	15.548	-	26.529	33.487
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	33.841	28.973	-	4.868	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	69,07%	34,92%	0,00%	84,50%	100,00%
1	Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2012 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	109.405	44.521	-	31.397	33.487

(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	70.044	10.547	-	26.529	32.968
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	5.519	5.001	-	-	518
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	75.564	15.548	-	26.529	33.487
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	33.841	28.973	-	4.868	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	69,07%	34,92%	0,00%	84,50%	100,00%
XII	Năm kiểm toán 2012					
(1)	Số kiến nghị (1)	452.495	452.091	-	404	
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	257.975	257.975	-	-	
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	257.975	257.975	-	-	
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	194.520	194.116	-	404	
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	57,01%	57,06%	0,00%	0,00%	0,00%
1	Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2011; kinh phí sự nghiệp môi trường giai đoạn 2009-2011 của Thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	235.443	235.443	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	108.402	108.402	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	108.402	108.402	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	127.041	127.041	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	46,04%	46,04%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Dự án Cải thiện môi trường nước Thành phố, lưu vực kênh Tàu Hủ -Bến Nghé - kênh Đôi - kênh Tê, giai đoạn 1					
(1)	Số kiến nghị (1)	50.710	50.710	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	50.710	50.710	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	50.710	50.710	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-	-	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	100,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Chuyên đề giao đất, triển khai thực hiện dự án; bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (SDĐ) và tài sản hình thành từ dự án trên địa bàn quận 7 và huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2001-2010					
(1)	Số kiến nghị (1)	164.408	164.408	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	98.863	98.863	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	98.863	98.863	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	65.545	65.545	-	-	-

(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	60,13%	60,13%	0,00%	0,00%	0,00%
4	Dự án Xây dựng Cầu Nguyễn Văn Cừ					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.934	1.530	-	404	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	1.934	1.530	-	404	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
XIII	Năm kiểm toán 2011					
(1)	Số kiến nghị (1)	178.916	71.524	-	107.392	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	7.082	7.082	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	7.082	7.082	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	171.835	64.443	-	107.392	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	3,96%	9,90%	0,00%	0,00%	0,00%
1	Dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương – Bến Cát – Rạch Nước Lên					
(1)	Số kiến nghị (1)	23.150	23.150	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	23.150	23.150	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Dự án Xây dựng Cầu Thủ Thiêm					
(1)	Số kiến nghị (1)	110.957	3.565	-	107.392	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện $(7=1-2+3-6)$	110.957	3.565	-	107.392	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện $(8=6/(1-2+3)*100\%$	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Kiểm toán chuyên đề quản lý, sử dụng, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và quản lý, sử dụng nguồn thu bán nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) từ năm 2006-2010					
(1)	Số kiến nghị (1)	44.809	44.809	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	7.082	7.082	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-

(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	7.082	7.082	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	37.727	37.727	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	15,80%	15,80%	0,00%	0,00%	0,00%
XIV	Năm kiểm toán 2010					
(1)	Số kiến nghị (1)	136.545	119.908	-	16.637	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	13.461	13.461	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	88.180	88.061	-	119	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	247	247	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	88.426	88.307	-	119	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34.656	18.139	-	16.517	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	71,84%	82,96%	0,00%	0,72%	0,00%
1	Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2009 của thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	110.279	110.279	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	13.201	13.201	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	79.558	79.558	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	247	247	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	79.804	79.804	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17.274	17.274	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	82,21%	82,21%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Dự án Cầu Tân Thuận 2 (giai đoạn 1)					
(1)	Số kiến nghị (1)	746	746	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	746	746	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Dự án Khu tưởng niệm các Vua Hùng					
(1)	Số kiến nghị (1)	798	798	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	261	261	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	518	518	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	518	518	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19	19	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	96,38%	96,38%	0,00%	0,00%	0,00%
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường Rừng Sác - Cần Giờ (giai đoạn 1)					
(1)	Số kiến nghị (1)	24.722	8.085	-	16.637	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	8.104	7.985	-	119	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-

(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	8.104	7.985	-	119	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16.617	100	-	16.517	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	32,78%	98,76%	0,00%	0,72%	0,00%
XV	Năm kiểm toán 2009					
(1)	Số kiến nghị (1)	73.452	73.452	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	175	175	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	8.419	8.419	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	8.419	8.419	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	64.857	64.857	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	11,49%	11,49%	0,00%	0,00%	0,00%
1	Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2008 của thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	69.445	69.445	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	8.419	8.419	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	8.419	8.419	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	61.025	61.025	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	12,12%	12,12%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Dự án cải tạo mở rộng đường Điện Biên Phủ					
(1)	Số kiến nghị (1)	4.007	4.007	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	175	175	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3.832	3.832	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
XVI	Năm kiểm toán 2008					
(1)	Số kiến nghị (1)	15.062	15.062	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	1.302	1.302	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.302	1.302	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13.759	13.759	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	8,64%	8,64%	0,00%	0,00%	0,00%
1	Dự án Đầu tư xây dựng cầu và đường Nguyễn Tri Phương					
(1)	Số kiến nghị (1)	13.580	13.580	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-

(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13.580	13.580	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2	Dự án Tòa nhà trung tâm Đài Truyền hình TP. HCM					
(1)	Số kiến nghị (1)	1.482	1.482	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	-	-	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	1.302	1.302	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	1.302	1.302	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	180	180	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	87,85%	87,85%	0,00%	0,00%	0,00%
XVII	Năm kiểm toán 2007					
(1)	Số kiến nghị (1)	12.342	12.342	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	12.287	12.287	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	55	55	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
1	Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2006 của thành phố Hồ Chí Minh					
(1)	Số kiến nghị (1)	12.342	12.342	-	-	-
(2)	Số điều chỉnh giảm (2)	12.287	12.287	-	-	-
(3)	Số điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-	-
(4)	Số thực hiện lũy kế kỳ trước (4)	-	-	-	-	-
(5)	Số thực hiện trong kỳ (5)	-	-	-	-	-
(6)	Số thực hiện lũy kế kỳ này (6)	-	-	-	-	-
(7)	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	55	55	-	-	-
(8)	Tỷ lệ thực hiện (8=6/(1-2+3)*100%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

(Chi tiết tại Phụ biểu số 01,01a,02,03,04, 05,06/THKN kèm theo).

*** Thuyết minh số kiến nghị điều chỉnh tăng, giảm**

a/ Số điều chỉnh giảm trong kỳ báo cáo: 0 đồng;

b/ Số điều chỉnh giảm lũy kế trong các kỳ báo cáo trước: 941.882.421.158 đồng (ghi nhận theo số liệu tại Báo cáo kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán ngày 21 tháng 12 năm 2023 của KTNN Khu vực IV), gồm:

- Năm kiểm toán 2020: 350.000.000 đồng;
- Năm kiểm toán 2019: 2.021.282.908 đồng;
- Năm kiểm toán 2018: 586.532.367.104 đồng;
- Năm kiểm toán 2017: 186.254.840.025 đồng;
- Năm kiểm toán 2016: 97.159.750.258 đồng;
- Năm kiểm toán 2015: 43.640.587.663 đồng;

- Năm kiểm toán 2010: 13.461.423.200 đồng;
- Năm kiểm toán 2009: 175.320.000 đồng;
- Năm kiểm toán 2007: 12.286.850.000 đồng.

2.2 Đánh giá nguyên nhân chưa thực hiện

- Nhóm nguyên nhân do đơn vị được kiểm toán, đơn vị kiểm tra, đối chiếu, tổ chức cá nhân có liên quan: số tiền 3.675.654 triệu đồng, chiếm 39,48% tổng số nguyên nhân chưa thực hiện.

- Nhóm nguyên nhân thuộc về trách nhiệm của KTNN: số tiền 37.186 triệu đồng, chiếm 0,4% tổng số nguyên nhân chưa thực hiện.

- Nhóm nguyên nhân do bên thứ 3: số tiền 3.764.229 triệu đồng, chiếm 40,43% tổng số nguyên nhân chưa thực hiện.

- Nhóm nguyên nhân khác: số tiền 1.833.185 triệu đồng, chiếm 19,69% tổng số nguyên nhân chưa thực hiện.

(Chi tiết Phụ biểu số 07,07a/THKN-NNCTH)

3. Kiến nghị chấn chỉnh rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

3.1. Các kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công đã thực hiện

Nhìn chung, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các nội dung kiến nghị của KTNN, trong đó xác định các nguyên nhân chủ quan, khách quan để kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan theo đúng thẩm quyền và xử lý theo quy định, kết quả đã tổ chức thực hiện 24 kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 09/THKN-KĐTN)

3.2. Các kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công chưa thực hiện hoàn thành

Các đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện 23 kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, trong đó: nguyên nhân chưa thực hiện hoàn thành: 21 kiến nghị thuộc về trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán (đơn vị chưa thực hiện kiến nghị kiểm toán hoàn thành); 02 kiến nghị thuộc trách nhiệm của bên thứ 3 (chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

(Chi tiết theo Phụ biểu số 09a/THKN-KĐTN)

3.3. Các kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công đã thực hiện

Các đơn vị được kiểm toán đã tổ chức thực hiện hoàn thành 382 kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 10/THKN-KĐTN)

3.4. Các kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công chưa thực hiện hoàn thành

Các đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện 362 kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công. Nguyên nhân chưa thực hiện hoàn thành: 271 kiến nghị thuộc về trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán (đơn vị chưa thực hiện kiến nghị kiểm toán hoàn thành, chứng từ thực hiện hoặc hồ sơ xác nhận kết quả thực hiện chưa đảm bảo...); 27 kiến nghị thuộc trách nhiệm của bên thứ 3 (chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, vướng mắc về cơ chế chính sách trong quá trình thực hiện, do nhà thầu không hợp tác, phối hợp thực hiện hoặc còn có tranh chấp giữa CĐT và nhà thầu, chưa được bố trí vốn thanh toán hoặc đang hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán); 64 kiến nghị thuộc nguyên nhân khác.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 10a/THKN-CCRKN)

4. Kiến nghị về hoàn thiện cơ chế, chính sách

4.1. Các kiến nghị đã thực hiện

Các đơn vị được kiểm toán đã thực hiện 06 kiến nghị kiểm toán về sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách. *(Chi tiết theo Phụ biểu số 08/THKN-THCCCS)*

4.2. Các kiến nghị chưa thực hiện hoàn thành

Các đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện 45 kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách. Nguyên nhân chưa thực hiện hoàn thành: 16 kiến nghị thuộc về trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán (đơn vị chưa thực hiện kiến nghị kiểm toán hoàn thành, chứng từ thực hiện hoặc hồ sơ xác nhận kết quả thực hiện chưa đảm bảo...); 02 kiến nghị thuộc trách nhiệm của bên thứ 3 (chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt); 27 kiến nghị thuộc nguyên nhân khác (KTNN chưa nhận được báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của các đơn vị).

(Chi tiết theo Phụ biểu số 08a/THKN-THCCCS)

5. Kiến nghị với bên liên quan

5.1. Các kiến nghị đã thực hiện

Các bên liên quan đã thực hiện 11 kiến nghị *(Chi tiết theo Phụ biểu số 11/THKN-BT3)*.

5.2. Các kiến nghị chưa thực hiện hoàn thành

Các bên liên quan chưa thực hiện 2 kiến nghị *(Chi tiết theo Phụ biểu số 11a/THKN-BT3)*.

6. Kiến nghị khác

6.1. Các kiến nghị đã thực hiện

Các đơn vị đã rà soát, điều chỉnh giá trị hợp đồng còn lại (HĐCL) theo kiến nghị KTNN tại Báo cáo Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 – 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh: 8.184.027.000 đồng, đạt tỷ lệ 77,57% kiến nghị rà soát, điều chỉnh giá trị HĐCL *(Chi tiết theo Phụ biểu số 04a/THKN-HĐCL)*.

6.2. Các kiến nghị chưa thực hiện hoàn thành

Các đơn vị chưa rà soát, điều chỉnh giá trị hợp đồng còn lại 2.365.905.400 đồng, nguyên nhân chưa thực hiện hoàn thành: thuộc về trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán (*Chi tiết theo Phụ biểu số 04a/THKN-HĐCL*).

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cụ thể như sau:

1.1. Kiến nghị về xử lý tài chính, xử lý khác, giảm lỗ:

(i) Kiến nghị về tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN 6.615.178.945.301 đồng (*Chi tiết tại Phụ biểu số 01/THKN-TT, 02/THKN-GCTX, 03/THKN-GCĐT, 06/THKN-TH kèm theo*);

(ii) Kiến nghị của KTNN về xử lý khác 2.664.080.953.190 đồng (*Chi tiết tại Phụ biểu số 04/THKN-KNK, 06/THKN-TH kèm theo*);

(iii) Kiến nghị của KTNN về giảm lỗ 30.994.328.258 đồng (*Chi tiết tại Phụ biểu số 01a/THKN-GL, 06/THKN-TH kèm theo*);

(iv) Kiến nghị của KTNN về rà soát, điều chỉnh giá trị hợp đồng còn lại 2.365.905.400 đồng (*Chi tiết tại Phụ biểu số 04a/THKN-HĐCL kèm theo*).

1.2. Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

Các đơn vị tiếp tục thực hiện 23 kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công chưa thực hiện nêu tại Báo cáo này (*Chi tiết tại Phụ biểu số 09a/THKN-KĐTN kèm theo*).

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

Các đơn vị tiếp tục thực hiện 362 kiến nghị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quản lý trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công chưa thực hiện nêu tại Báo cáo này (*Chi tiết tại Phụ biểu số 10a/THKN-CCRKN*).

1.4. Các kiến nghị về hoàn thiện cơ chế, chính sách

Các đơn vị tiếp tục thực hiện 21 kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của UBND, Sở ban ngành tại địa phương chưa thực hiện nêu tại Báo cáo này (*Chi tiết tại Phụ biểu số 08a/THKN-THCCCS*).

1.5. Các kiến nghị với các bên liên quan

UBND Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện 02 kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư một số dự án tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (*Chi tiết theo Phụ biểu số 11a/THKN-BT3*).

2. Đối với Kiểm toán nhà nước

Đề nghị Kiểm toán nhà nước thực hiện đơn đốc các bên liên quan thực hiện kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách (các kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ, ngành...) (Chi tiết tại Phụ biểu số 08a/THKN-THCCCS).

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện các kiến nghị đang, chưa thực hiện của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về KTNN khu vực IV (Địa chỉ: 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM trước ngày 30.06.2025).

Báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN gồm 25 trang, từ trang 01 đến trang 25 và các phụ biểu kèm theo là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm tra này, gồm: Phụ biểu số 01/THKN-TT, 01a/THKN-GL, 02/THKN-GCTX, 03/THKN-GCĐT, 04/THKN-KNK, 04a/THKN-HĐCL, 05/THKN-BKCT, 05a/THKN-CT5%; 06/THKN-TH, 07/BCKN-NNCTH, 07a/BCKN-TMNNCTH, 08/THKN-THCCCS, 08a/THKN-THCCCS, 09/THKN-KĐTĐ, 09a/THKN-KĐTĐ, 10/THKN-CCRKN, 10a/THKN-CCRKN, 11/THKN-BT3, 11a/THKN-BT3./.

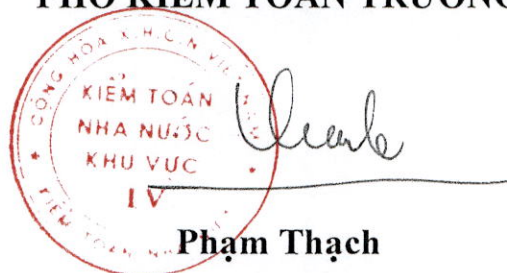
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA



Lê Tuấn Anh

Số thẻ KTVNN: B0553

**KT. KIỂM TOÁN TRƯỞNG
PHÓ KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



Phạm Thạch

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IV

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA TẠI BÁO CÁO KIỂM TRA
THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN**

1. Sở Tài chính
 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư
 3. Sở Giao thông Vận tải
 4. Cục Thuế
 5. Kho bạc nhà nước
 6. Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn – TNHH MTV
 7. Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV
-